

Lập Trình Cơ Bản Bằng Bàn Key Cho
Tổng Đài TDA100/200/600

- v Bàn Key sử dụng để lập trình phải là loại Digital như KXT7436, KXT7633 và phải gắn ở port 1 của card DHLC KXTDA0170
- v Những phím thường dùng để lập trình chức năng của tổng đài:
 - Program: chuyển hệ thống sang chế độ lập trình
 - Sp-phone: lật trang màn hình đi tới
 - Redial: lật trang màn hình đi lui
 - Auto answer: lựa chọn chế độ khi lập trình
 - Auto dial: lưu giá trị khi lập trình
 - Fwd\dnd: di chuyển con trỏ tới
 - Conf: di chuyển con trỏ lui
- Hold: kết thúc lệnh khi lập trình xong một chức năng

Các bước lập trình

Bấm program -> program no-> *#1234 (1234 Password default)-> Mn hình xuất hiện "Sys-pgm No-> nhập m lệnh tương ứng như sau:

Ngày giờ hệ thống:

- Nhập 000 -> Date & time set -> Enter -> Y-M-D [nhập số liệu năm(00->99), tháng(01->12) ngày hiện hành (01->31)]-> Store -> Next -> HH(01->12)-MM(01->60)-> (Nhập giờ và phút hiện hành) -> Store -> Hold

Chuyển đổi chế độ ngày đêm tự động hay nhân công:

- Nhập 101 -> Time service -> Enter -> bấm select(Manual\Auto) -> (chọn Manual là chế độ nhân công, chọn auto là chế độ tự động) -> Store(lưu) -> Hold(thoát)

Ác lập thời gian biểu:

- Nhập 102 -> Time service tbl -> Enter -> Day No -> Enter -> (Sun->Sat chọn từ CN đến Thứ 7) -> Enter-> Time No(*bấm số 1 cho chế độ "Day-1" nhập giờ bắt đầu từ buổi sáng, bấm số 2 cho chế độ "Lunch" giờ bắt đầu buổi trưa, bấm số 3 cho chế độ "Day-2" nhập giờ bắt đầu buổi chiều, "Night" nhập giờ bắt đầu đêm*) -> Store (lưu) -> Hold (thoát)

Đổi số nội bộ(số máy nhánh):

- Số máy nhánh có thể là 3 hoặc 4 kí tự tùy thuộc vào khai báo số dẫn đầu(phần đầu của một số nội bộ). Nếu số dẫn đầu từ 0->9 thì số nội bộ là 3 kí tự như 101, 201, 301..., số dẫn đầu là 00->99 thì số nội bộ là 4 kí tự như 1001, 7777...
- Nhập 100 -> Flex numbering -> Enter -> Location -> Khai báo số dẫn đầu(0->9, 00->99) từ vị trí 1 -> 16 -> Store(lưu) -> Hold(thoát)
- Nhập 003 -> Extention Number -> Enter -> Extention no à Enter -> Current Ext No(số Ext cũ hay số máy nhánh cũ) -> New Etx No(số máy nhánh mới cần đổi) -> Store(lưu) -> Next Ext No(số máy nhánh tiếp theo cần đổi) -> Store(lưu) -> Hold(thoát)

Ác lập Operator

- Nhập 006 -> Enter -> System Operator -> Enter -> Time No(số 1=day, số 2=night, số 3=lunch, số 4=break chọn chế độ tương ứng cho máy Operator) -> Ext no(số máy nhánh được gán làm Operator)-> Store(lưu)-> Hold(thoát)

SS: (Bàn giám sát)

- Nhập 601 -> DPT Property -> Enter -> Slot No -> Enter -> Port No(chọn port để gắn Dss -> Select -> Dss Cnsl -> Store(lưu) -> Hold(thoát)

- Nhập 007 -> DSS Console -> Enter -> DSSno -> Enter -> Nhập ext(máy nhánh) đi cùng với bàn DSS -> Store(lưu) -> Hold(thoát)

ổ chuông : (Mặc định tất cả CO đổ máy nhánh Operator)

Nếu đổ nhiều máy thì DIL theo số nối :

620 : Xác định số nối (ICD Group Number , có 64 nhóm : từ nhóm 1 đến nhóm 64 tương ứng với số nối là 601 -> 604 mặc định trong chương trình 622) : Đưa những máy nào muốn đổ chuông vào cùng một nhóm theo số nối).

- Nhập 620 -> ICD group Member -> Enter -> ICD Group No(01->64) chọn ICD Group để khai báo máy đổ chuông từ Group1 -> Group 64 -> vị trí các máy đổ chuông(01 -> 32 tối đa 32 máy đổ chuông trong một ICD Group) -> nhập số máy nhánh -> Store(lưu) -> nhập vị trí tiếp theo để khai báo cho máy nhánh tiếp theo đổ chuông -> Store(lưu) -> Hold(thoát)

621 : Chọn Delay chuông hoặc đổ cùng một lúc cho từng ICD group (01->64)theo số nối .

- Nhập 621 -> Delayed Ring -> Enter -> ICD Group -> chọn ICD Group (01->64)đổ chuông để Delay tương ứng với ICD group trong chương trình 620 -> Enter-> chọn chế độ Delay cho máy nhánh trong ICD group (5s,10s,15s) -> Store(lưu) -> Hold(lưu)

450: Chọn DIL theo nhóm số nối cho ngày, đêm , trưa cho từng CO .

- Nhập 450 -> DIL 1:1 Ring -> Enter -> Time mode(bấm số cho1:day,2:lunch,3:break,4:night) -> Slot no ->Enter -> Port No (chọn port CO) -> Ext(nhập số nối của ICD group đổ chuông ở lệnh 620 (601->664) -> Store(lưu) -> Hold(kết thúc)

Hunting : (Tìm máy ròi đổ chuông trong nhóm)

680 : Chọn kiểu Hunting cho nhóm dùng Hunting Group ,có 64 Hunting Group từ Group 1 -> Group 64.

- Nhập 680 -> Hunt group type -> Enter -> hunt group(01->64)-> bấm Select(terminate,cicular) -> chọn 1 trong 2 chế độ Terminate (chế độ đổ chuông đầu cuối) và Cicular(chế độ đổ chuông xoay vòng) -> Store(lưu) -> Hold(thoát)

681 : Cho những máy đổ chuông vào nhóm tương ứng từ nhóm 1-> nhóm 64, tối đa có 16 máy đổ chuông trong một Hunting group

- Nhập 681 -> Hunt Group Member -> Enter -> Hunt Group(01->64) chọn Group ở chế độ hunt tương ứng với lệnh 680 -> cho các Ext (máy nhánh) vào nhóm để Hunting -> Store(lưu) -> Hold(thoát)

450 : Chọn số dẫn đầu .(Hunting theo từng CO)

- Nhập->450->DIL 1:1 Ring ->enter->time mode(nhập số 1:day,2:lunch,3:break,4:night)->slot no->enter->port no(chọn port CO trên card Trung kế cần đổ chuông->nhập 1máy nhánh bắc kỳ trong nhóm hunting khi máy này bận sẽ đổ chuông máy ròi tiếp theo trong nhóm->store(lưu)->hold(thoát)

DISA :

Khi người gọi vào trên đường co(trung kế) sử dụng chế độ disa thì sẽ nghe phát ra bản tin (OGM) sau đó người gọi có thể bấm số nội bộ trực tiếp muốn gặp(nếu biết),nếu không bấm gì cuộc gọi chuyển về máy operator.

450 : DIL số nối của từng OGM(bản tin) theo số nối (có 64 số nối cho 64 OGM : 501 ->564) trên đường Co(đường trung kế).Nếu muốn dùng bản tin Disa nào cho CO(đường trung kế) thì Dil số nối của OGM đó trên Co (trung kế) đó và khi đó thu âm bản tin OGM đó.

- Nhập 450 -> Dil 1:1 Ring -> Enter -> Time mode(nhập số 1:day,2:linch,3:break,4:night) -> Slot No -> Enter -> Port No(chọn Port CO(trung kế) trên Card trung kế cần sử dụng Disa -> nhập số nối của bản tin Disa theo OGM No(501->564) -> Store(lưu) -> Hold(thoát)

730 : Chọn số nối OGM (OGM 1-> OGM 64 có số nối là EXT 501->EXT 564(nếu muốn đổi số nối bản tin disa thì đổi như đổi số máy nhánh,có thể xoá để khai báo cho số máy nhánh dùng trong nội bộ)

Xác định thời gian FWD khi bận hoặc không trả lời .

- Nhập 605 -> FWD N/A Time -> Enter -> Ext (máy nhánh) -> Nhập số Ext (máy nhánh) để giới hạn thời gian -> Nhập thời gian cần giới hạn khi máy đổ chuông bao nhiêu hồi chuông(tương ứng thời gian cần giới hạn) -> Store(lưu) -> Next -> Để nhập ext(máy nhánh) tiếp theo để gán thời gian giới hạn -> Store(lưu) -> Hold(kết thúc)

Xác định những máy nằm trong COS cho phép Call Forward to CO .

- Nhập 504 -> Call FWD to CO -> Enter -> Cos No(nhập cos bắt kì từ Cos 1 -> Cos 64 với chế độ cho phép hay không cho phép Call FWD là Anable hoặc Disable) ->Store(lưu) -> nhập Cos tiếp theo nếu có -> Store(lưu) -> Hold(kết thúc)
- Nhập 602 -> Class of service -> Enter -> Ext No(nhập số máy nhánh) -> nhập Cos (cho máy nhánh vào Cos để sử dụng trong chương trình 504 ở trên -> Store(lưu) -> Hold(kết thúc)

Call Transfer to CO

- Nhập 503 -> Transfer to CO -> Enter -> Cos no(nhập cos bắt kì từ cos 1->cos 64 với chế độ cho phép hay không cho phép Transfer to CO) -> nhập Cos tiếp theo nếu có -> Store(lưu) -> Hold(kết thúc)
- Nhập 602 -> Class of service -> Enter -> Ext no(nhập số máy nhánh) -> Nhập cos (cho máy nhánh vào cos để sử dụng trong chương trình 503 ở trên -> Store(lưu) -> Hold(kết thúc)

XIII. Đảo cực CO khi sử dụng phần mềm tính cước ,xác định chính xác thời gian đàm thoại cho ra bản tính cước chính xác .

- Nhập 415 -> Reverse detect -> Enter -> Slot(vị trí card trung kế) -> Enter -> Port no(vị trí CO cần đảo cực) -> Enter -> [Disable(không đảo cực),outgoing(đảo cực hướng gọi ra), both call(đảo cực hướng gọi ra và gọi vào)] -> Etoe(lưu) -> Next -> Port no tiếp theo -> Store(lưu) -> Hold(kết thúc)

XIV. Flash Time

- Nhập 417 -> Flash time -> Enter -> Slot no(vị trí card trung kế) -> Enter -> Port no(vị trí CO line) -> Enter -> bấm Select chọn thời gian Flash -> Store(lưu) -> Next -> Port no tiếp theo -> Store(lưu) -> Hold(kết thúc)

XV. Chế độ quay số (Mặc định DTMF)

XVI. Kết nối CO xác định số đường bưu điện dùng làm đường trung kế(co) cho việc gọi ra ở máy nhánh và gọi vào của đường trung kế bên ngoài(đường thuê bao bưu điện).

- Nhập 400 -> CO connection -> Enter -> Slot no(vị trí card trung kế) -> Enter -> Port no(vị trí CO hay port trung kế) -> Bấm Select để chọn connect(sử dụng kết nối với đường bưu điện) hay No connect(không sử dụng kết nối với đường bưu điện) tương ứng với đường trung kế(co) dùng trong tổng đài -> Next -> Port no tiếp theo -> Store(lưu) -> Hold(kết thúc)

XVII. Giới hạn thời gian gọi ra : (Máy con trong tổng đài chỉ đàm thoại với thuê bao ở ngoài với thời gian quy định)

502 : Chọn Enable hoặc Disable cho từng COS sử dụng chế độ giới hạn thời gian gọi.

- Nhập 502 -> CO durat.limit -> Enter -> Cos no -> Enter -> Nhập Cos để giới hạn thời gian gọi ra -> Nhập cos để chọn disable không giới hạn thời gian gọi ra,Anble có giới hạn thời gian gọi ra) -> Store(lưu) -> Next -> chọn cos tiếp theo nếu có -> Store(lưu) -> Hold(kết thúc)

472 : Chọn thời gian giới hạn gọi ra,hết thời gian này máy nhánh sẽ không tiếp tục cuộc đàm thoại .

- Nhập 472 -> Ext-Co Duration -> Enter -> Trunk grp -> Enter -> Nhập Group trung kế(từ group 1 -> group 64) -> Nhập thời gian cần giới hạn từ 1 phút cho đến 60 phút) -> Store(lưu) -> Next -> Trunk group tiếp theo nếu có -> Store(lưu) -> Hold(thoát)

602 : Đưa những máy nhánh nào giới hạn vào cos dùng chế độ giới hạn thời gian gọi ở trong chương trình 502.

- Nhập 602 -> Class of service -> Enter -> Ext no(nhập số máy nhánh) -> Nhập cos(cho máy nhánh vào cos để sử dụng trong chương trình 502 ở trên -> Store(lưu) -> Hold (thoát)

XVIII. Giới hạn cuộc gọi :

301 : Tạo mã cấm trên Level (từ level 2->level 6)

- Nhập 301 -> TRS code -> Enter -> Level no -> Chọn level(từ level 2 -> level 6) -> Location(001->100) -> Enter -> Nhập mã cấm vào các vị trí từ (1->100) -> Store(lưu) -> Next -> vị trí tiếp theo tạo mã cấm tiếp -> Store(lưu) -> Hold(thoát)

501 : Đưa Cos vào Level (ở chế độ ngày và đêm)

- Nhập 501 -> TRS Level -> Enter -> Time mode -> nhập 1 :day,2:lunch,3:break,4:night -> Cos no -> nhập cos(từ cos 1->cos 64) -> Level no chọn level cho cos(1->6) -> Store(lưu) -> Next -> Cos tiếp theo -> Store(lưu) -> Hold(thoát)

602 : Đưa Ext(máy nhánh) vào Cos cần giới hạn cuộc gọi

- Nhập 602 -> Class of service -> Enter -> Ext no(nhập số máy nhánh) -> nhập cos cho Ext(máy nhánh) vào cos sử dụng trong chương trình 501 ở trên -> Store(lưu) -> Hold(thoát)

· Chú thích:

Một Ext (máy nhánh)thuộc cos mà cos đó được gán vào Level ở chế độ ngày đêm,trong level có mã cấm gì thì Ext(máy nhánh) đó sẽ không gọi được những mã đã cấm trong level.Ví dụ máy 101 ban ngày gọi được di động liên tỉnh không gọi được quốc tế,ban đêm chỉ gọi nội hạt,ta nhập lệnh 301 -> TRS level -> Enter -> Level no -> Chọn level 02 -> Enter -> tạo mã cấm gọi quốc tế là 00,17100,17700,17900,17800 tương ứng cho vị trí 1 -> 5 -> Store -> Next -> chọn Level 03 -> Enter -> tạo mã cấm gọi di động,liên tỉnh là 0,17(171,177,178,179 gọi đường dài giá rẻ) -> Store -> Hold.Tiếp theo nhập lệnh 501 -> TRS level -> Enter -> Time mode -> bấm số 1 để chọn chế độ ban ngày -> Cos no -> Enter chọn cos 1 cho vào level 02 -> Store -> chọn chế độ ban đêm -> cho cos 1 cho vào level 03 -> Store -> Hold .Cuối cùng nhập lệnh 602 -> Class of service -> Enter -> Ext no -> nhập ext 101 -> đưa máy 101 vào cos 1 -> Store -> Hold.Vậy máy 101 ban ngày thuộc level 02 không gọi quốc tế,ban đêm chỉ gọi nội hạt.

XIX. Cấm máy con chiếm CO không cho gọi ra ngoài chỉ liên hệ nội bộ trong tổng đài.

602 : Đưa máy nhánh vào cos sử dụng chế độ không cho chiếm CO gọi ra ngoài.

- Nhập 602 -> Class of service -> Enter -> Ext no(nhập số máy nhánh) -> nhập cos của máy nhánh vào cos (từ cos1-> cos 64) -> Store(lưu) -> Hold(thoát) .Ví dụ ext 102 vào cos 55

- Nhập 500 -> COS-TRG Outgoing -> Enter -> Time mode -> Enter -> nhập(1:day,2:lunch,3:break,4:night) -> Enter -> cos(1-64) theo ở trên thì chọn cos 55 -> Trunk gorup(1-64) -> chọn trunk group 1 -> Enter -> Select(Enable cho phép gọi trên CO,disable không cho phép gọi trên CO) chọn Disable -> Store(lưu) -> Cos tiếp theo nếu có -> Store(lưu) -> Hold(thoát)

· Ext 102 vào cos 55,cos 55 trong chương trình 500 chọn disable trên trunk group 1 thì ext 102 không chiếm Co trong trunk group 1 gọi ra ngoài được

XX. Accuont Code :(Bình thường máy nhánh sẽ không thực hiện được cuộc gọi bị giới hạn trong chế độ Accuont,nếu có mã Accuont thì mới thực hiện được..)

301 : Tạo mã cấm trên Level (từ level 2 -> level 6)

- Nhập 301 -> TRS code -> Enter -> Level no -> chọn level(từ level 2->level6) -> location -> Enter -> nhập mã cấm vào các vị trí từ (1->100) -> Store(lưu) -> Next -> vị trí tiếp theo tạo mã cấm tiếp -> Store(lưu) -> Hold(thoát)

501 : Đưa Cos vào Level (ngày và đêm)

- Nhập 501 -> TRS Level -> Enter -> Time mode -> chọn 1 :day,2:lunch,3:break,4:night -> Cos no -> chọn cos(1->64) -> Level no chọn level cho cos(từ level1-> level6) -> Store(lưu) -> Next -> cos tiếp theo -> Store(lưu) -> Hold(thoát)

602 : Đưa Ext vào Cos .

- Nhập 602 -> Class of service -> Enter -> Ext no(nhập số máy nhánh) -> nhập cos cho máy nhánh vào cos để sử dụng trong chương trình 501 ở trên -> Store(lưu) -> Hold(thoát)

508 :Account code mode

- Nhập 508 -> Accuont code mode -> Enter -> cos no(chọn cos dùng account code từ cos 1 -> cos 64) -> Select(option /forced) -> Store(lưu) -> cos tiếp theo nếu có -> Store(lưu) -> Hold(thoát)

Option:sử dụng khi chỉ gọi Account code cho những mã cấm đã quy định trong chương trình cấm.

Forced:tất cả cuộc gọi ra ngoài đều sử dụng Accuont code

120: Toll verify code(mã account)

- Nhập120 -> Toll verify code -> Enter -> Location no(1-1000) -> Verified code(mã code có thể có từ 1 kí tự ->4 kí tự) -> Store -> Location no tiếp theo -> Store(lưu) -> Hold(thoát)

122:Verified code pin (personal identification number là mã pin)

- Nhập 122 -> Enter -> Location no(1->1000) -> Pin(mã pin tối đa 10 kí tự) -> Store(lưu) -> Location no tiếp theo -> Store(lưu) -> Hold(thoát)

· Chú ý: Vị trí mã Account trong chương trình 120 phải tương ứng với vị trí mã pin trong chương trình 122. Tức là khi sử dụng chế độ gọi bằng Account thì vị trí mã account trong chương trình 120 phải giống vị trí mã pin trong chương trình 122.

XXI. ARS chế độ tự động chèn dịch vụ 171,177,178,179 khi gọi liên tỉnh quốc tế

320 : ARS mode

- Nhập 320 -> Enter -> Select(OF:không dùng, Idle line:line rãnh, All accesss(tắc cả các line) -> Store(lưu) -> Hold(thoát)

321: Cho mã tỉnh vào dùng dịch vụ ARS

- Nhập 321 -> Enter -> Location no(1->1000) -> Leading no(mã tỉnh cần chèn dịch vụ tối đa 10 kí tự) -> Store(lưu) -> Location no tiếp theo -> Store(lưu) -> Hold(thoát)

322 : Cho mã tỉnh vào từng Plan (16 Plan) .

- Nhập 322 -> Enter -> Location no(1->1000) tương ứng với vị trí từ 1-1000 ở chương trình 321 -> Plan table no(1->16) -> Store -> Location no tiếp theo -> Store -> Hold

330: Chọn khoảng thời gian sử dụng dịch vụ ARS

- Nhập 330 -> Enter -> Plan table no(chọn plant từ 1->16) -> Day no(các ngày trong tuần 0:sun,1:mon,2:tue,3:wed,4:thu,5:fri,6:sat) -> ARS time no(các khoảng thời gian trong ngày 1:time A,2:time B,3:time C,4:time D) -> Chọn giờ bắt đầu các khoảng thời gian trong ngày) -> Store -> Khoảng thời gian tiếp theo -> Store -> Hold

331-346 :Chọn thứ tự ưu tiên cho từng Plan cho từng khoảng thời gian từ plan1 ->plan 16

- Nhập 331-346 -> Enter Day no(nhập các ngày trong tuần 0:sun ,1:mo,2:tue,3:wed,4:thu,5:fri,6:sat) -> ARS time no(các khoảng thời gian trong ngày tương ứng chương trình 330 1:time A,2:time B,3:time C,4:time D) -> Priority(chế độ ưu tiên sử dụng dịch vụ ARS từ ưu tiên1 -> ưu tiên 6) -> Carrier table no(mã chèn dịch vụ theo vị trí từ 1->10 vị trí tương ứng trong chương trình 353 ARS Carrier table no) -> Store -> Hold

353 : Nhập số dịch vụ cần chèn .

- Nhập 353 -> Enter -> Carrier table no(1->10) -> Carrier access code(nhập mã chèn dịch vụ như 171,177,178 ...tương ứng với từng carrier table no từ 1->10) -> Store -> Carrier table no tiếp theo -> Store -> Hold

XXII. Chức năng Queuing (Giống UCD) : (Chế độ khi gọi vô nếu nhóm máy quy định đổ chuông bạn thì sẽ phát ra bản thông báo ,sau đó sẽ có khoảng thời gian chờ nếu máy nào trong nhóm đổ chuông rồi thì sẽ nhận cuộc gọi.Nếu hết thời gian chờ quy định thì sẽ tực hiện chế độ UCD kế tiếp như tiếp tục phát bản tin thông báo rồi tiếp tục chờ hoặc là cuộc gọi sẽ kết thúc... tùy theo quy định.Phải có Card Disa) .

630 : Queuing time Table : Chọn nhóm ICD tương ứng từ 1->64 đổ chuông trên từng khoản thời gian trong ngày để sử dụng khi các máy trong ICD group bạn thì dùng chế độ queuing(ucd) .

- Nhập 630 -> Enter -> Incoming call distribution no(ICDgroup từ 1-> 64) -> Time no(nhập chế độ thời gian 1:day,2:lunch,3:break,4:night) -> Table no (bản chế độ queuing được tạo trong chương trình 631 từ 1-64) -> Store(lưu) -> Hold(thoát)

631 : Sequences in Queuing time table : Chọn các chế độ cho từng table trên 16 Sequences (1-> 16) để gán vào lệnh 630 .

- Nhập 631 -> Enter -> Table no(chọn vị trí table từ 1->64) -> Location no(vị trí các chế độ queuing từ 1->16) -> Select(chọn các chế độ queuing:/overflow nhảy sang độ chuông ở máy overflow được quy định trước/disconec (kết thúc cuộc gọi "N"x5s(thời gian chờ máy nhánh trong nhóm đổ chuông rồi sẽ nhận cuộc gọi/sequence"N"(chế độ lập lại)/OGM"N"(bản tin thông báo phát ra) -> Store(lưu) -> Location no tiếp theo -> Store(lưu) -> Hold

· Có 2 phương án đổ chuông :

Phương án đổ chuông theo chế độ ICD Group:

620 : Xác định số nối (ICD Group Number , có 64 nhóm : từ nhóm 1 đến nhóm 64 tương ứng với số nối là 601 -> 604) được chọn trong lệnh 622 : Đưa những máy nào muốn đổ chuông vào cùng một nhóm theo số nối .

- Nhập 620 -> ICD group Member -> Enter -> ICD group no(01->64) chọn group để khai báo máy đổ chuông -> vị trí các máy đổ chuông(01-.32) -> nhậpmáy nhánh đổ chuông -> Store(lưu) -> Nhập vị trí tiếp theo để khai báo máy nhánh tiếp theo đổ chuông -> Store -> Hold(thoát)

621 : Chọn Delay chuông hoặc đổ cùng một lúc cho từng nhóm theo số nối .

- Nhập 621 -> Delayed ring -> Enter -> ICD group(1->64) -> nhập số ICD group để delay(5s,10s,15s) -> Store -> Hold
- 450: Chọn DIL theo nhóm số nổi cho ngày, đêm, trưa và cho từng CO .
- Nhập 450 -> DIL 1:1 Ring -> Enter -> Time mode(nhập 1:day,2:lunch,3:break,4:night) -> Slot no -> Enter -> Port no (chọn port CO) -> Ext(nhập số nổi của ICD group để chuông ở lệnh 620(601->664) -> Store -> Hold
- Phương án đổ chuông theo chế độ hunting group:
- 680 : Chọn kiểu Hunting cho nhóm dùng Hunting group ,có 64 Hunting group từ group 1 ->group 64.
- Nhập 680 -> Hunt group type -> Enter -> Hunt group(01->64) -> bấm Select(terminate,circular) -> chọn 1 trong 2 chế độ terminate (chế độ đổ chuông đầu cuối) và circular(chế độ đổ chuông xoay vòng) -> Store(lưu) -> Hold(thoát)
- 681 : Cho những máy đổ chuông vào nhóm tương ứng từ nhóm 1-> nhóm 64, tối đa có 16 máy đổ chuông trong một hunting group
- Nhập 681 -> Hunt group member -> Enter -> Hunt group(01->64) chọn group ở chế độ hunt tương ứng với lệnh 680 -> nhập số các Ext (máy nhánh) vào nhóm để Hunting -> Store(lưu) -> Hold(thoát)
- Nhập 620 -> ICD group Member -> Enter -> ICD group no(01->64) nhập group để khai báo máy đổ chuông -> vị trí các máy đổ chuông(01->32) -> nhập máy nhánh đổ chuông đầu tiên trong nhóm Hunting khi bạn sẽ đổ chuông ở máy rồi tiếp theo nhóm) -> Store(lưu) -> Nhập vị trí tiếp theo để khai báo cho Ext tiếp theo cho đổ chuông -> Store -> Hold(thoát)
- 450 : Chọn DIL theo nhóm số nổi cho ngày, đêm, trưa và cho từng CO .
- Nhập 450 -> DIL 1:1 Ring -> Enter -> Time mode(nhập 1:day,2:lunch,3:break,4:night) -> Slot no -> Enter -> Port no (chọn port CO) -> Ext (nhập số nổi của ICD group để chuông ở lệnh 620(601->664) -> Store(lưu) -> Hold(thoát)

XXIII. **Dect Phone :**

- Lập trình và kết nối Card máy Dect : KX-TDA 0141
- Gắn được trên Card DHLC , chỉ dùng hai dây Data và chiếm 1 port trên card DHLC
- Máy Dect có thể dùng loại KX-TCA255 hoặc các loại Dect dòng 400 và 500 .
- Lập trình kết nối :
- 690 : PS Registration : Đăng ký máy Dect với Card 0141 .
- Nhập 690 -> PS No (số lượng PS 001->128) -> Ext no(nhập số nội bộ của máy dec giống như số của ext khác không trùng với những số đã dùng) -> Tiếp tục thực hiện trên máy Handset(máy con) -> Nhấn phím khoảng 2 giây để mở nguồn -> nhấn "0" hoặc " " -> chọn mục " Setting HS " -> nhấn "0" hoặc " " -> chọn mục " Registration" -> Nhấn "0" hoặc " " -> "Register HS" -> Nhấn "0" hoặc " " ->nhập mã Pin (1234) -> Nhấn "0" hoặc " " .

XXIV. **Chế độ cổng com RS-232C**

- Nhập 800 -> Enter -> New line code -> Select(chọn CR+LF/CR) -> Store(lưu) -> Next -> Baud rate(chọn tốc độ giữa tổng đài và tốc độ cổng com giống nhau trong các giá trị sau 2400/4800/9600/19200/38400/57600/115200bps thường chọn hai giá trị 9600 và 19200) -> Store(lưu) -> Next -> Word length(chiều dài kí tự 7/8 bit thường chọn 8bit) -> Store(lưu) -> Next -> Parity bit(chọn bit parity thường chọn none) -> Store(lưu) -> Next -> Stop bit(chọn bit stop là 1) -> Store(lưu) -> Hold(thoát)
- 804 : Chế độ in hay không in cuộc gọi ra
- Nhập 804 -> Enter -> Select(no print/print) -> Store(lưu) -> Hold(thoát)
- 805: Chế độ in hay không in cuộc gọi vào
- Nhập 805 -> Enter -> Select(no print/print) -> Store(lưu) -> Hold(thoát)

Trân Trọng! CTY TNHH GIẢI PHÁP VIỄN THÔNG CÔNG NGHỆ SỐ SOHO

Địa chỉ : 4F - Ngõ tuổi trẻ - Hoang Quốc Việt- Từ Liêm -HN

www.tongdaivienthong.com - Email:sohotechvn@gmail.com

Vui lòng liên hệ: **Mr Hoan** 0934-452-678 - 04.3994.2881